

Bản án số: 272/2024/DS-PT

Ngày: 16/9/2024

V/v: “Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hợp.

Các thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm và ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc: “Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1713/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Tổ B, ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Địa chỉ: **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình**.

Địa chỉ liên hệ: **Số F, đường số A, khu trung tâm hành chính thành phố D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương**.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông **Lê Huỳnh Đ**, sinh năm 1996. Có mặt.

Địa chỉ thường trú: **xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Ninh**.

Địa chỉ liên hệ: Số F, đường số A, khu trung tâm hành chính thành phố D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1977; địa chỉ: Tô C, Lê Hồng P, P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trà Quỳnh L - Phó giám đốc Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Hà Ngọc T1 - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Khánh B - Công chức ĐC-XD-NM-MT. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nam G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Duy P1 - Phó trưởng phòng T12. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T3; địa chỉ: thôn H, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

5. Bà Lê Thị Minh L1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị T sinh năm 1970; địa chỉ: Tô B, ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

6. Bà Lê Thị A, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn X, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

7. Anh Hà Tuấn A1, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

8. Anh Hà Anh T4, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và ý kiến tại bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bố mẹ bà là ông Lê Mạnh T5, sinh năm 1926 (chết năm 1972) và bà Thiều Thị T6, sinh năm 1938 (chết 2004) sinh được năm người con gồm: bà Lê Thị T2,

sinh năm 1961; bà **Lê Thị Minh L1**, sinh năm 1964; bà **Lê Thị C**, sinh năm 1968 và bà **Lê Thị T**, sinh năm 1970. Vào năm 1972, khi bố hy sinh thì 05 mẹ con vẫn tiếp tục sinh sống tại thửa đất đó; đến năm 1976, mẹ bà sinh em **Lê Thị A**. Năm 1985, chị **Lê Thị Minh L1** đi lấy chồng; năm 1990, chị **Lê Thị T2** đi lấy chồng và đến tháng 02/1994 chị **Lê Thị C** đi lấy chồng và chuyển vào sinh sống tại tỉnh Bình Thuận. Tháng 5 năm 1995, bà đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh; đến năm 1998, bà về sửa nhà cho mẹ bà và có cháu **T7** con chị **T2** ở cùng; đến năm 2000, cháu **T7** về nhà ở với bố mẹ thì cháu **T8** lên ở cùng mẹ bà. Tháng 7 năm 2004, mẹ bà ốm nặng nên bà **C** cùng con về ở cùng mẹ bà được một tháng thì mẹ bà mất. Sau khi mẹ mất thì bà **C** ở đó một thời gian rồi đi làm ăn, cứ đi đi về về.

Đối với thửa đất số 68 tờ bản đồ số 07, diện tích 786,2m², trong đó có 400m² đất ở và 386m² đất vườn tại **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình** mà hiện tại **UBND huyện T**, tỉnh Quảng Bình cấp GCNQSDĐ mang tên **Lê Thị C** vào ngày 30/12/2006 (sau đây gọi là thửa đất số 68) có nguồn gốc là di sản thừa kế do bố, mẹ bà để lại chưa phân chia; sau khi bố mẹ bà mất không để lại di chúc nhưng **UBND huyện T** cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 68 cho bà **Lê Thị C** là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 68 đã được **UBND huyện T** cấp cho bà **Lê Thị C** vào ngày 30/12/2006 để phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với căn nhà gỗ 03 gian do bố mẹ xây dựng hiện nay không còn nên bà không yêu cầu phân chia.

*- Tại các bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà **Lê Thị C** trình bày:*

Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế giống như nguyên đơn trình bày nên bà không có ý kiến gì thêm. Đối với nguồn gốc thửa đất số 68 trước đây là của bố mẹ là ông **Lê Mạnh T5** và bà **Thiều Thị T6**, nhưng bố mẹ chỉ sinh sống và tạo lập một căn nhà gỗ nhỏ và mảnh vườn khoảng 100m² còn xung quanh là đất hoang hóa không ai canh tác sử dụng. Năm 1972 bố bà hi sinh, mẹ bà một mình cũng không đủ sức khỏe để khai hoang canh tác thêm. Gia đình bà có 5 chị em lớn lên đều lập gia đình ra ở riêng, cho nên kể từ năm 1998 thửa đất do bà quản lý và sử dụng, bố mẹ bà vẫn chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Năm 1998, bà cùng con trai **Hà Tuấn A1** trở về ở cùng mẹ để phụng dưỡng và canh tác quản lý sử dụng mảnh vườn khoảng 100m² kể trên. Trong năm 1998, bà đã khai khẩn mở rộng các phần đất hoang xung quanh vườn nhà diện tích khai hoang mở rộng khoảng hơn 600m², từ đó bà quản lý canh tác sử dụng ổn định không tranh chấp cho đến năm 2006 thì được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất mang tên bà.

Đối với căn nhà gỗ cũ thì lũ lụt làm hư hỏng nên bà được Nhà nước hỗ trợ khắc phục xây dựng lại căn nhà ống tường gạch mái tôn kiên cố từ năm 2007. Năm 2004, mẹ bà qua đời có di chúc bằng lời nói là để phần đất khoảng 100m² trước đây mẹ tôi khai hoang sử dụng lại cho tôi làm nơi thờ tự và có chị ruột **Lê Thị T2** và em ruột **Lê Thị A** làm chứng. Hiện nay bà đã được Nhà nước thừa nhận

quyền sử dụng đất hợp pháp và đã cấp GCNQSDĐ cho bà đối với thửa đất số 68, cho nên bà đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T2 trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất số 68 là của ông cô ngoại để lại cho ông bà nội bà là ông Lê T9 sinh năm 1890 và bà Mai Thị D sinh năm 1900; sau đó ông bà ngoại để lại mảnh đất này cho bố mẹ bà là các cụ Lê Mạnh T5 - Thiều Thị T6. Năm 1972, bố bà hy sinh, năm mẹ con vẫn ở trên thửa đất; đến năm 2004, lúc đó mẹ bà ốm nặng có để lại di nguyện cho chồng bà là ông Nguyễn Xuân T3 có ghi lại di nguyện (các con đã có gia đình, nay chỉ có Lê Thị C đang khó khăn, vợ chồng ly thân chưa có nhà ở, Lê Thị T mới lập gia đình đang ở xa chưa có chỗ ở ổn định, ý mẹ chia thửa vườn cho C và T; mẹ có nhắc nhở những ngày giỗ chạp trong nhà và những người thăm mẹ khi ốm có chứng kiến ở bên nội chú Lê Đ2 và o Lê Thị T10 và vợ chồng bà là Nguyễn Xuân T3 và Lê Thị T2, Lê Thị C; bên ngoại có anh T8 D1 và anh Thiều Văn H, anh Thiều Nam T11, có con của các cậu là anh V và anh V1). Di nguyện của mẹ ghi trong giấy A4 đưa cho bà C giữ, nhưng khi bà C làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không thông qua ý kiến các chị em bà, các chị em trong gia đình không ai biết. Vì vậy, GCNQSDĐ đã cấp cho hộ bà Lê Thị C là không đúng quy định thừa kế theo pháp luật. Do đó bà đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho bà Lê Thị C và chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Minh L1 trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất số 68 giống như bà T2 đã trình bày; trên thửa đất có trồng cây ăn trái lâu năm, căn nhà gỗ ba gian lợp ngói, nhà bếp hai gian. Tháng 7/2004, mẹ bà bệnh nặng nên bà C về ở để nuôi con; đến tháng 8/2004 đã nhờ ông T3 ghi lại di nguyện mảnh vườn để lại cho hai em là bà Lê Thị T một ½ thửa đất phía trên, còn ½ phần đất còn lại để lại cho bà Lê Thị C, nhưng bà C ở nhà tự ý làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa được sự đồng ý của chị em trong gia đình. Nhận thấy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C là trái với quy định nên bà đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng số 68 để chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật. Đối với phần thừa kế bà được hưởng thì bà xin nhượng lại cho bà Lê Thị T2.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 8/9/2023 bà Lê Thị A trình bày:*

Bố, mẹ bà về ở trên thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2006, bà C về ở trên thửa đất này sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà C về ở trên thửa đất thì có công chăm sóc nuôi dưỡng mẹ, việc thờ cúng ông, bà tổ tiên do bà C lo. Về phần thừa kế của bố, mẹ mà bà được hưởng thì bà tự nguyện tặng cho bà C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Tuấn A1 và anh Hà Anh T4 (con bà C) thống nhất trình bày:*

Nhất trí với ý kiến trình bày của bà C và đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại Công văn số 247/UBND ngày 18/8/2023 Ủy ban nhân dân xã M trình bày:*

Theo xác minh, làm việc: Thửa đất số 68, tờ bản đồ số 07, diện tích 786,2m² tại thôn L, xã M, huyện T do bố, mẹ của ông Lê Mạnh T5 để lại cho vợ chồng ông Lê Mạnh T5 và bà Thiệu Thị T6 (bố mẹ đẻ của bà Lê Thị T, Lê Thị C). Tuy nhiên tại thời điểm ông T5, bà T6 sử dụng thì thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông Lê Mạnh T5 chết năm 1972, bà Thiệu Thị T6 chết năm 2004). Đến năm 2006, khi có dự án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Dự án đa dạng hóa nông nghiệp) lúc đó ông T5, bà T6 đã chết, bà Lê Thị C đang sinh sống trên thửa đất đó nên đã kê khai hồ sơ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Lê Thị C, bà Lê Thị C chuyển về ở tại thửa đất trên vào năm 2004.

- *Tại bản tự khai, đại diện Ủy ban nhân dân huyện T là ông Hồ Duy P1 trình bày:*

Ngày 30/12/2005, bà Lê Thị C làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ 7, diện tích 786m², trong đó đất ở 400m²; 386m² đất trồng cây lâu năm, mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm; địa chỉ tại thôn L, xã M, huyện T. Ngày 03/12/2006, UBND huyện T đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Lê Thị C tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 7, diện tích 786m². Trong đó đất ở 400m², đất trồng cây lâu năm 386m², mục đích sử dụng đất ở và đất trồng cây lâu năm, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, số Xi ri AH 875375, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất H 04998, tại thôn L xã M, huyện T. Quy trình được thực hiện đúng Luật đất đai 2003 và quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của chính phủ về thi hành Luật đất đai; Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ T13 về thi hành Luật đất đai nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại công văn số 1337/VPĐK ngày 08/12/2023 Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q trình bày:*

Ngày 03/12/2003, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 7, diện tích 786m² (đất ở tại nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 386m²) được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số phát hành AH 875375 số vào sổ cấp GCN H04998, hộ bà Lê Thị C xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau đó thửa đất số 68, tờ bản đồ số 7, diện tích 786m² được chỉnh lý thành 68, tờ bản đồ số 7, diện tích 720,8m².

Ngày 31/12/2021, Sở T đã cấp đổi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DA 201508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02044, hộ bà Lê Thị C, thửa đất 68, tờ bản đồ số 7, diện tích 720,8m² (đất ở tại nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 320,8m²) tại xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 98, khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013; Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì

hộ bà **Lê Thị C** đủ điều kiện cấp đổi GCNQSDĐ. Như vậy, **Sở T** đã cấp GCNQSDĐ nói trên là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. Nay bà **Lê Thị T** có yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà **C** là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật đất đai năm 1987; Điều 50 Luật đất đai 2003; các Điều 100, 101, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 875375, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 04998 đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 7, diện tích 786m²; địa chỉ thửa đất: **thôn L, xã M, tỉnh Quảng Bình do UBND huyện T, tỉnh Quảng Bình** cấp ngày 03/12/2006 mang tên hộ bà **Lê Thị C** và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DA 201508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02044 tại thửa đất 68, tờ bản đồ số 7, diện tích 720,8m² (đất ở tại nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 320,8m²), địa chỉ thửa đất: **xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 31/12/2021 mang tên hộ là **Lê Thị C**.

2. Xác định di sản thừa kế do cụ **Thiều Thị T6** để lại theo diện tích đo đạc trên thực tế là 745,2m² đất (trong đó có 400m² đất ở và 345,2m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 68 tờ bản đồ 7 tại **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình**.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Lê Thị A** về việc tặng cho kỹ phần thừa kế được chia theo quy định của pháp luật cho bà **Lê Thị C** sử dụng và ghi nhận sự tự nguyện của bà **Lê Thị Minh L1** về việc tặng cho kỹ phần thừa kế được chia theo quy định của pháp luật cho bà **Lê Thị T2** sử dụng.

4. Phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể như sau: *(có sơ đồ phân chia kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án)*

4.1. Chia cho bà **Lê Thị C** 03 kỹ phần thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68 tờ bản đồ 7 tại **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình (01 kỹ phần được chia theo quy định pháp luật; 01 kỹ phần do có công sức đóng góp; 01 kỹ phần nhận từ bà A)** có tổng diện tích 372,6m² (124,2x3); trong đó có 199,99m² đất ở và 172,61m² đất vườn; có tổng giá trị bằng tiền là: 15.451.800 đồng; có tứ cạnh theo sơ đồ phân chia có ký hiệu S4, S5, S6 cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp đường giao thông, tính từ điểm 7 đến điểm 8 trên sơ đồ, có chiều dài 27,71m.

+ Phía Tây giáp thửa S3, tính từ điểm 4 đến điểm 11 trên sơ đồ, có chiều dài 27,14m.

+ Phía Nam giáp đường giao thông, tính từ các điểm 8-9-10-11, có chiều rộng 14,2m.

+ Phía Bắc giáp thửa số 53, tính từ các điểm 4-5-6-7 trên sơ đồ, có chiều rộng 13,03m.

4.2. Chia cho bà **Lê Thị T2** 02 kỹ phần thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68 tờ bản đồ 7 tại **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình** (01 kỹ phần bà **T2** được chia theo pháp luật, 01 kỹ phần của bà **L1** nhượng lại) có tổng diện tích 248,8m² (124,2x2); trong đó có 133,32m² đất ở và 115,48m² đất vườn; có tổng giá trị bằng tiền là: 10.308.800 đồng có tứ cạnh theo sơ đồ phân chia cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp thửa ký hiệu S4, tính từ điểm 4 đến điểm 11 trên sơ đồ, có chiều dài 27,14m.

+ Phía Tây giáp thửa S1, tính từ điểm 2 đến điểm 13 trên sơ đồ, có chiều dài 26,74m.

+ Phía Nam giáp đường giao thông, tính từ các điểm 11-12-13, có chiều rộng 9,22m.

+ Phía Bắc giáp thửa số 53, tính từ các điểm 1-3-4 trên sơ đồ, có chiều rộng 9,24m.

Trên phần diện tích đất đã chia nêu trên cho bà **Lê Thị T2** có 01 chuồng trại diện tích 22,1m², có giá trị 10.099.700 đồng do bà **Lê Thị C** xây dựng, cho nên buộc bà **Lê Thị T2** phải hoàn trả số tiền 10.099.700 đồng cho bà **Lê Thị C**.

4.3. Chia cho bà **Lê Thị T** 01 kỹ phần thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68 tờ bản đồ 7 tại **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình** có diện tích 124,2m² đất; trong đó có 66,66m² đất ở, 57,53 đất vườn; có giá trị 5.150.000 đồng có tứ cạnh theo sơ đồ như sau:

+ Phía Đông giáp thửa ký hiệu S2, tính từ điểm 2 đến điểm 13 trên sơ đồ, có chiều dài 26,74m.

+ Phía Tây giáp thửa các thửa đất 154, 155, tính từ điểm 1 đến điểm 14 trên sơ đồ, có chiều dài 26,52m.

+ Phía Nam giáp đường giao thông, tính từ các điểm 13-14, có chiều rộng 4,61m.

+ Phía Bắc giáp thửa số 53, tính từ các điểm 1-2 trên sơ đồ, có chiều rộng 4,72m.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Buộc bà **Lê Thị C** phải tháo dỡ, di dời, phá bỏ 13,83m hàng rào thép B40 có vị trí tiếp giáp đường giao thông về phía Nam nằm trên các phần đất đã được chia cho bà **Lê Thị T** và bà **Lê Thị T2**, tính từ điểm 11, 12, 13, 14 trên sơ đồ. Ngoài ra, trên thửa đất còn có một số cây trồng nằm rải rác trên toàn bộ thửa đất số 68 thì người nào được chia phần đất nào có cây trồng thì được hưởng số cây đó.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 70/QĐ-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị một phần Bản án số 86/2023/DS-ST ngày 26/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình về phần xác định di sản, thời hiệu và chia di sản thừa kế; đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa án sơ thẩm: Xác định thửa đất số 68, tờ bản đồ số 07 có diện tích thực tế 745,2m² là di sản thừa kế của cụ **Lê Mạnh T5** và cụ **Thiều Thị T6** để lại; không áp dụng thời hiệu thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 và chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2023, bị đơn bà **Lê Thị C** kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình; xác định di sản thừa kế do cụ **Lê Mạnh T5** và cụ **Thiều Thị T6** chết để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 100m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 68, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình**; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị T** về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ **Lê Mạnh T5** chết để lại. Công nhận bà **C** được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất do cụ **T5** chết để lại (tương đương diện tích đất 50m²); xác định di sản thừa kế của cụ bà **Thiều Thị T6** chết để lại là quyền sử dụng đất có diện tích đất 50m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 68, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình**; chia di sản thừa kế do cụ bà **Thiều Thị T6** chết để lại theo quy định pháp luật cho những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ **T6**. Khi chia di sản thừa kế, xem xét công sức quản lý, gìn giữ, làm tăng giá trị tài sản của những người đang quản lý di sản và chia cho bà **C**, anh **Hà Anh T4**, anh **Hà Tuấn A1** một phần di sản thừa kế do cụ **Thiều Thị T6** chết để lại.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 70/QĐ-VKS-DS của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Bình, sửa Bản án số 86/2023/DS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo hướng không áp dụng thời hiệu chia di sản và xác định lại di sản thừa kế, chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người đại diện theo ủy quyền của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị, kháng cáo trong thời hạn quy định và đúng thủ tục nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng nghị, kháng cáo.

Về di sản thừa kế: Theo nội dung Công văn số 247/UBND, ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã M thì thửa đất số 68 có nguồn gốc do bố, mẹ của cụ T5 để lại cho vợ chồng cụ T5, cụ T6. Tại các thời điểm cụ T5, cụ T6 còn sống và sử dụng thì thửa đất số 68 chưa được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2006, khi có dự án cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Dự án đa dạng hóa nông nghiệp) lúc đó cụ T5, cụ T6 đã chết và bà C đang sinh sống trên thửa đất đó nên đã kê khai hồ sơ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Lê Thị C, bà Lê Thị C chuyển về ở tại thửa đất trên vào năm 2006.

Quá trình giải quyết vụ án các bà T, L1, T2, A đều khai nhận toàn bộ diện tích, nguồn gốc thửa đất số 68 như UBND xã M đã xác nhận, riêng bà C và các con chỉ thừa nhận nguồn gốc thửa đất của các cụ T5 - T6 chỉ có 100m² và 686m² đất còn lại do bà C và các con khai hoang thêm. Tuy nhiên, đối với phần diện tích đất mà bà C cho rằng đã khai hoang thêm nhưng bà C không có bất cứ tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đã khai hoang thêm phần đất nào và không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác nên không có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, tại bản tự khai bà C thừa nhận trước đây có ngôi nhà gỗ cũ của bố mẹ để lại nhưng do bị bão lũ cuốn trôi nên đã tháo dỡ và tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bà T đã chỉ dẫn phần nền móng nhà cũ khoảng 55m² có vị trí nằm giữa thửa đất. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định toàn bộ diện tích thửa đất số 68 có nguồn gốc là của cụ T5 - T6 mà không có phần khai hoang thêm như bà C và các con trình bày.

Như vậy, tại thời điểm cụ T5 chết thì tài sản chung của vợ chồng hai cụ cần xác định gồm cả nhà, đất tại thửa đất số: 68 tờ bản đồ số 07 địa chỉ: thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, sau khi cụ T6 chết thì ngôi nhà cũ đã bị phá bỏ xây mới nên tại thời điểm các bên tranh chấp thì cần xác định di sản thừa kế do cụ Lê Mạnh T5 và cụ Thiệu Thị T6 để lại theo diện tích đo đạc trên thực tế là 745,2m² đất (trong đó có 400m² đất ở và 345,2 m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 68 tờ bản đồ 7, tại thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Quá trình

giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm không bên nào đưa ra yêu cầu áp dụng thời hiệu nên cần xác định di sản để chia của mỗi cụ để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất nêu trên.

Tuy nhiên, xét thấy bà **C** là người đã trực tiếp sử dụng quản lý thửa đất từ năm 2007 cho đến nay, có đóng góp nhiều nhất trong việc tôn tạo, quản lý di sản, nên được hưởng công sức bằng 01 kỷ phần thừa kế.

Cụ **Lê Mạnh T5** chết năm 1972, nên tại thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất hàng thừa kế thứ nhất của cụ **T5** có 5 người, gồm: vợ là cụ **Thiều Thị T6** và 4 người con là bà **Lê Thị T2**; bà **Lê Thị Minh L1**; bà **Lê Thị C**; bà **Lê Thị T**. Do vậy, di sản thừa kế của cụ **T5** là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 68 được chia đều cho 05 người thừa kế và 01 kỷ phần công sức cho bà **C**, mỗi kỷ phần là $\frac{1}{6}$ phần đất là di sản của cụ **T5** để lại. Theo đó mỗi kỷ phần là 62.1 m² đất (trong đó có 33.333m² đất ở và 28,767 m² đất trồng cây lâu năm). Bà **C** được hai kỷ phần.

Cụ **Thiều Thị T6** chết ngày 17/8/2004, thời điểm mở thừa kế lần thứ hai đối với di sản của cụ **T6** là ngày 17/8/2004. Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ **T6** có 5 người, gồm: bà **Lê Thị T2**; bà **Lê Thị Minh L1**; bà **Lê Thị C**; bà **Lê Thị T** và con riêng của cụ **T6** là bà **Lê Thị A**. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng bố của bà **A** là cụ **Lê Mạnh Bàn L2** chồng thứ 2 của cụ **T6**. Tuy nhiên qua xác minh thì không có tài liệu về việc kết hôn giữa cụ **T6** và cụ **B1**, hiện cũng không có thông tin gì về cụ **B1**, không xác định được còn sống hay đã chết; các con của cụ **T6** cũng không công nhận cụ **B1**, cụ **T6** là vợ chồng nên không có cơ sở xác định hai cụ có quan hệ vợ chồng để xem xét về thừa kế, sau này nếu có đủ căn cứ thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do vậy, di sản thừa kế của cụ **T6** là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 68, cộng phần cụ **T6** được hưởng từ cụ **T5** được chia đều cho cho 05 người thừa kế và 01 kỷ phần công sức cho bà **C**, mỗi kỷ phần là $\frac{1}{6}$ diện tích đất là di sản của cụ **T5**. Theo đó mỗi kỷ phần là 72,449 m² đất (trong đó có 38.888m² đất ở và 33,561 m² đất trồng cây lâu năm). Bà **C** được hai kỷ phần.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án bà **Lê Thị A** đã tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà **Lê Thị C**; bà **Lê Thị Minh L1** tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà **Lê Thị T2**. Xét thấy, việc tặng cho phần di sản thừa kế của các đương sự là tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc nên cần được ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Như vậy, sau khi phân chia di sản và trên cơ sở biên bản định giá tài sản ngày 08/9/2023 thì trị giá di sản thừa kế mà bà **T** được chia là 5.580.000 đồng, bà **T2** được chia phần thừa kế có giá trị 11.160.000 đồng, bà **C** được chia phần thừa kế có giá trị 14.164.200 đồng.

[3] Việc phân chia di sản thừa kế:

[3.1] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 08/9/2023 và chỉ dẫn của các bên đương sự thì thửa đất số 68 trên thực tế chỉ còn lại 745,2m²; trong đó có 400m² đất ở nông thôn (thiếu 40,8m² so với GCNQSDĐ

cấp năm 2006; thừa 24,4m² so với GCNQSDĐ được cấp đổi năm 2021). Xung quanh thửa đất đều được bà C xây dựng hàng rào ngăn cách với đường giao thông và các thửa đất liền kề khác. Các tài sản hiện có trên thửa đất bao gồm nhà ở, công trình phụ, hàng rào, giếng nước, cây cối trong vườn đều do bà C cùng các con xây dựng; toàn bộ các tài sản trên đất được xây dựng tập trung về phía Đông của thửa đất, còn lại phần diện tích đất nằm ở phía Tây chưa xây dựng công trình gì. Vì vậy, việc phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho các đồng thừa kế không làm ảnh hưởng đến chỗ ở, sinh hoạt của bà C và đảm bảo quyền và lợi ích của các bên theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm bà C xây dựng các công trình trên đất không ai có bất cứ ý kiến phản đối nào, cho nên sau khi phân chia các thửa đất mà trên các thửa đất được chia còn tồn tại các công trình xây dựng của bà C thì buộc người được chia phải chịu chi trả khoản tiền xây dựng trên đất cho bà C. Đối với các cây trồng trên đất có nguồn gốc của bố mẹ để lại cho nên trên phần đất được chia cho người nào thì người đó được hưởng và không phải đền bù gì cho nhau.

[3.2] Từ những nhận định trên, cần chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất cho các đương sự theo vị trí các thửa đất trên thực tế như sau:

- Đối với Lê Thị C được chia quyền sử dụng đất đối với các thửa có ký hiệu trên sơ đồ S4, S5, S6 có tổng diện tích 372,9m² (124,2x3); trong đó có 199,99m² đất ở và 172,61m² đất vườn; có tổng giá trị bằng tiền là 15.451.800 đồng. Bà C phải thối lại giá trị chênh lệch cho các thửa kế khác.

- Đối với bà Lê Thị T2 được chia quyền sử dụng đất đối với các thửa có ký hiệu trên sơ đồ S2, S3 có tổng diện tích 248,8m² (124,2x2); trong đó có 133,32m² đất ở và 115,48m² đất vườn; có tổng giá trị bằng tiền là: 10.308.800 đồng.

- Đối với bà Lê Thị T được chia quyền sử dụng đất đối với thửa có ký hiệu trên sơ đồ S1; diện tích 124,2m² đất; trong đó có 66,66m² đất ở và 57,53m² đất vườn; có giá trị 5.150.000 đồng.

[4] Đối với phần diện tích đất đã chia cho bà T2, bà T được chia có ký hiệu S1, S2, S3 thì phần phía Nam giáp đường giao thông của các thửa đất còn có hàng rào thép B40 do bà C làm thì buộc bà C phải tháo dỡ; tại thửa đất có ký hiệu S1 còn có 01 nhà vệ sinh cũ nát, không còn giá trị sử dụng, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét gì thêm. Đối với phần diện tích đất có ký hiệu S2, S3 được chia cho bà T2 có nhà bếp tạm của bà C nên buộc bà C phải tháo dỡ phá bỏ; 01 chuồng heo diện tích 22,1m² có giá trị 10.099.700 đồng do bà C xây dựng thì buộc bà T2 phải hoàn trả số tiền xây dựng chuồng heo cho bà C. Ngoài ra, trên toàn bộ phần đất đã chia cho các đồng thừa kế khác còn có một số cây cối lâu năm nên người nào được chia mà có cây cối thì được hưởng tài sản đó.

[5] Xét yêu cầu hủy GCNQSDĐ của nguyên đơn thấy rằng: Tại thời điểm các cụ T6 - T5 chết đều không để lại di chúc, nhưng khi kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ vào năm 2005 bà C không lấy ý kiến của những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T6 - T5 và kê khai nguồn gốc đất không đúng sự

thật nên được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ vào năm 2006 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi GCNQSDĐ vào năm 2021 đối với toàn bộ thửa đất số 68 là không đúng pháp luật về thừa kế đất đai theo quy định tại các Điều 734, 735 Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy các GCNQSDĐ đã cấp đổi với thửa đất số 68 mang tên hộ bà Lê Thị C để phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét cần chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 70/QĐ-VKS-DS ngày 10/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị C.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đương sự thuộc thân nhân liệt sỹ và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị C; chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 70/QĐ-VKS-DS ngày 10/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 875375, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 04998 đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 7, diện tích 786m²; địa chỉ thửa đất: thôn L, xã M, tỉnh Quảng Bình do UBND huyện T, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 03/12/2006 mang tên hộ bà Lê Thị C và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DA 201508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02044 tại thửa đất 68, tờ bản đồ số 7, diện tích 720,8m² (đất ở tại nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 320,8m²), địa chỉ thửa đất: xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 31/12/2021 mang tên hộ là Lê Thị C.

2. Xác định di sản thừa kế do cụ Lê Mạnh T5, Thiệu Thị T6 để lại theo diện tích đo đạc trên thực tế là 745,2m² đất (trong đó có 400m² đất ở và 345,2m² đất

trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 68 tờ bản đồ 7 tại **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình**.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Lê Thị A** về việc tặng cho kỹ phần thừa kế được chia theo quy định của pháp luật cho bà **Lê Thị C** sử dụng và ghi nhận sự tự nguyện của bà **Lê Thị Minh L1** về việc tặng cho kỹ phần thừa kế được chia theo quy định của pháp luật cho bà **Lê Thị T2** sử dụng.

4. Phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật, cụ thể như sau: *(có sơ đồ phân chia kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án)*

4.1. Chia cho bà **Lê Thị T** phần thừa kế có giá trị 5.580.000 đồng, trong đó nhận bằng tiền từ bà **C** là 430.000đ, nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68 tờ bản đồ 7 tại **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình** có diện tích 124,2m² đất; trong đó có 66,66m² đất ở, 57,53m² đất vườn; có giá trị 5.150.000 đồng có tứ cạnh theo sơ đồ như sau:

+ Phía Đông giáp thửa ký hiệu S2, tính từ điểm 2 đến điểm 13 trên sơ đồ, có chiều dài 26,74m.

+ Phía Tây giáp thửa các thửa đất 154, 155, tính từ điểm 1 đến điểm 14 trên sơ đồ, có chiều dài 26,52m.

+ Phía Nam giáp đường giao thông, tính từ các điểm 13-14, có chiều rộng 4,61m.

+ Phía Bắc giáp thửa số 53, tính từ các điểm 1-2 trên sơ đồ, có chiều rộng 4,72m.

4.2. Chia cho bà **Lê Thị Thu P2** thừa kế có giá trị 11.160.000 đồng; Bà Thu nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68 tờ bản đồ 7 tại **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình** có tổng diện tích 248,8m² (124,2x2); trong đó có 133,32m² đất ở và 115,48m² đất vườn; có tứ cạnh theo sơ đồ phân chia cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp thửa ký hiệu S4, tính từ điểm 4 đến điểm 11 trên sơ đồ, có chiều dài 27,14m.

+ Phía Tây giáp thửa S1, tính từ điểm 2 đến điểm 13 trên sơ đồ, có chiều dài 26,74m.

+ Phía Nam giáp đường giao thông, tính từ các điểm 11-12-13, có chiều rộng 9,22m.

+ Phía Bắc giáp thửa số 53, tính từ các điểm 1-3-4 trên sơ đồ, có chiều rộng 9,24m.

Bà **T2** được sở hữu trên phần diện tích đất đã chia nêu trên 01 chuồng trại diện tích 22,1m², do bà **Lê Thị C** xây dựng.

Buộc bà **Lê Thị T2** phải trả số tiền 9.242.100 đồng cho bà **Lê Thị C**.

4.3. Chia cho bà **Lê Thị Châu P3** thừa kế có giá trị 14.164.200 đồng, bà **C** được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68 tờ bản đồ 7 tại **thôn L, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình** có tổng diện tích 372,6m² (124,2x3); trong đó có 199,99m² đất ở và 172,61m² đất vườn; có tổng giá trị bằng tiền là: 15.451.800 đồng; có tứ cạnh theo sơ đồ phân chia có ký hiệu S4, S5, S6 cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp đường giao thông, tính từ điểm 7 đến điểm 8 trên sơ đồ, có chiều dài 27,71m.

+ Phía Tây giáp thửa S3, tính từ điểm 4 đến điểm 11 trên sơ đồ, có chiều dài 27,14m.

+ Phía Nam giáp đường giao thông, tính từ các điểm 8-9-10-11, có chiều rộng 14,2m.

+ Phía Bắc giáp thửa số 53, tính từ các điểm 4-5-6-7 trên sơ đồ, có chiều rộng 13,03m.

Buộc bà **Lê Thị C** phải bồi trả cho bà **Lê Thị T** 430.000đ.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Buộc bà **Lê Thị C** phải tháo dỡ, di dời, phá bỏ 13,83m hàng rào thép B40 có vị trí tiếp giáp đường giao thông về phía Nam nằm trên các phần đất đã được chia cho bà **Lê Thị T** và bà **Lê Thị T2**, tính từ điểm 11, 12, 13, 14 trên sơ đồ. Ngoài ra, trên thửa đất còn có một số cây trồng nằm rải rác trên toàn bộ thửa đất số 68 thì người nào được chia phần đất nào có cây trồng thì được hưởng số cây đó.

6. Về án phí: Các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Hợp